

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-11-2020

V/v ly hôn; tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm;

- Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 954/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 19/11/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lai L, sinh năm 1989; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Ấp T, xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần C, sinh năm 1986; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Ấp L, xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Ấp T, xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Lai L trình bày:

Chị và anh Trần C chung sống từ năm 2012, đăng ký kết hôn ngày 11/06/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 92/2012, quyền số 01/2012, hôn nhân tự nguyện.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn về việc nuôi dạy con và trong quan hệ vợ chồng anh C thường xuyên đòi hỏi quan hệ tình dục, chị không đồng ý. Ngoài ra, mỗi lần uống rượu về anh Đ kiểm chuyện với chị, đập phá đồ đạc và có 01 lần dùng chân đạp vào ngực chị làm chị va đập vào tường. Chị và anh C đã ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung tên Trần N, sinh ngày 29/6/2012, hiện cháu N đang ở với chị L. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Trần C trình bày:

Anh và chị L chung sống từ năm 2012, đăng ký kết hôn ngày 11/06/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 92/2012, quyền số 01/2012, hôn nhân tự nguyện.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L coi thường gia đình bên chồng, chỉ quan tâm, lo lắng cho gia đình bên chị L. Cụ thể, mỗi khi gia đình chị Lan gặp khó khăn về tiền bạc, chị L sẵn sàng giúp đỡ; còn bên gia đình anh khó khăn thì chị L coi thường và không giúp đỡ. Điều này làm anh không hài lòng, nên mỗi lần uống rượu về anh kiểm chuyện và la rầy chị L, đập phá đồ đạc làm cho chị L phải dọn đi nơi khác ở. Anh và chị L đã ly thân từ háng 9/2020 cho đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung tên Trần N, sinh ngày 29/6/2012, hiện cháu N đang ở với chị L. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lai L:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh C đều thừa nhận vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L yêu cầu ly hôn với anh C, anh C đồng ý. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị L, anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần cho chị L được ly hôn với anh C là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị L, anh C có 01 con chung tên Trần N, sinh ngày 29/6/2012. Chị L, anh C đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, theo Biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2020, cháu N có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu N cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp với nguyện vọng của cháu N và phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Công có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh C tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Xét lời trình bày của đại diện Viện Kiểm sát về thủ tục tố tụng, nội dung vụ hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lan là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lai L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lai TL đối với bị đơn anh Trần C.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lai L được ly hôn với anh Trần C.

- Về con chung: Giao cho chị Lai L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần N, sinh ngày 29/6/2012. Ghi nhận chị Lai L không yêu cầu anh Trần C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lai L, anh Trần C tự khai không có, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lai L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0048338 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương; chị Lai L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Cẩm Hằng